**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**

**Ý kiến tham gia về Hồ sơ xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Điều/khoản** | **Nội dung ý kiến** | **Đơn vị** | **Ý kiến của NHNN** |
| I | Những đơn vị có ý kiến nhất trí với dự thảo Nghị định  - Công ty tài chính: Công ty cho thuê tài chính ACB, Công ty cho thuê tài chính SCB, Công ty cho thuê tài chính Argribank, Công ty cho thuê tài chính TNHH 1 TV Công nghiệp tàu thủy, Công ty TNHH1 TV cho thuê tài chính STB; Công ty tài chính TNHH MTV Cộng đồng; Công ty tài chính TNHH1 TV, Công ty cho thuê tài chính VCB;  - Ngân hàng thương mại: Argribank; EIB; DAB, Sài Gòn Bank; BIDV, NHTMCP Sài gòn Công thương; NHTM TNHH 1TV Xây dựng Việt Nam | | | |
| II | Những đơn vị không có đề xuất: NHTMCP Bản Việt, NHTMCP Á Châu, CTTCCP Điện Lực, NHTMCP Sài Gòn Công Thương, NHTMCP Quốc Dân, NHTMCP Bưu điện Liên Việt, NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, NHTMCP Xăng dầu Petrolimex, CTTCCP Tín Việt, NHTMCP Việt Nam Thương tín, NHTMCP Kiên Long | | | |
| III | Các ý kiến tham gia | | | |
| **A** | **Ý kiến chung** | | | |
| B | **Ý kiến cụ thể** | | | |
| Về Hồ sơ, trình tự, thủ tục | | |  |  |
|  |  | - Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đề nghị tuân thủ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được bổ sung năm 2020)  - Đối với Tờ trình Thủ tướng Chính phủ: Về bố cục nội dung đề nghị rà soát, bổ sung các nội dung theo quy định tại Điều 87, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm sự cần thiết ban hành nghị định; mục đích, quan điểm xây dựng nghị định và thời gian cụ thể đề nghị Chính phủ xem xét, thông qua. | Bộ Tư pháp  Bộ Ngoại Giao | 1. NHNN đã rà soát và tiếp thu một phần, cụ thể:  - NHNN đã rà soát Hồ sơ xây dựng Nghị định, bổ sung Tờ trình Chính phủ và bỏ Tờ trình Thủ tướng Chính phủ;  - Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các Báo cáo theo mẫu quy định.  2. Một phần không tiếp thu, cụ thể:  NHNN đã rà soát về quy trình xây dựng Nghị định như sau:  Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL thì “Đề nghị xây dựng Nghị định” không áp dụng đối với trường hợp xây dựng Nghị định về nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam. Do vậy, về trình tự xây dựng nghị định thực hiện theo quy định từ Điều 90 đến 96 Luật Ban hành văn bản QPPL (không bao gồm việc lập “đề nghị xây dựng Nghị định”) vì:  - Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy định: *“Chính phủ ban hành nghị định để quy định: 1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; 2. Các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội,..... 3. Vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trước khi ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội.”*  - Khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản về đề nghị xây dựng nghị định quy định: *“Đề nghị xây dựng nghị định được áp dụng đối với việc xây dựng, ban hành nghị định quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật này.”*  - Điều 16 Luật các TCTD về mua cổ phần của nhà đầu tư nước noài quy định: *“1. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam. 2. Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.”*  Như vậy việc xây dựng Nghị định về nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD Việt Nam thực hiện theo khoản 1 Điều 19 Luật Ban hành văn bản QPPL, không phải thực hiện “Đề nghị xây dựng Nghị định” |
| Dự thảo Tờ trình và báo cáo tổng kết | | |  |  |
|  |  | Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật và tính tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên của dự thảo Nghị định tại Tờ trình | Bộ Tư pháp | Tiếp thu:  - Về vấn đề này đã được thể hiện tại Báo cáo rà soát khuôn khổ pháp lý về xây dựng Nghị định.  - Với quy định tại Nghị định 01 và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 01 hoàn toàn phù hợp với các cam kết quốc tế.  - Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 01 nhằm mục tiêu để Nghị định 01 phù hợp với Luật Các TCTD (đã được sửa đổi, bổ sung), Luật Đầu tư năm 2020; Luật Chứng khoán năm 2019.. |
|  |  |  |  |  |
|  |  | a. Đối với Tờ trình Thủ tướng Chính phủ:  - Về bố cục nội dung đề nghị rà soát, bổ sung các nội dung theo quy định tại Điều 87, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm sự cần thiết ban hành nghị định; mục đích, quan điểm xây dựng nghị định và thời gian cụ thể đề nghị Chính phủ xem xét, thông qua.  - Tại mục I (trang 1) thay cụm từ “16 Hiệp định thương mại tự do” thành “15 Hiệp định thương mại tự do” và bỏ phần liệt kê cụm từ “Cuba”.  b. Đối với dự thảo báo cáo Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nghị định, đề nghị cân nhắc bổ sung phần Bối cảnh thực hiện nghị định. Ngoài ra, mục I rà soát khuôn khổ pháp lý nên viết gọn lại do đã có báo cáo riêng về vấn đề này. | Bộ Ngoại Giao | - Về bố cục nội dung dự thảo Tờ trình: tiếp thu một phần và đã được báo cáo giải trình tại mục Hồ sơ và trình tự thủ tục nêu trê.  - Về thay cụm từ “16 Hiệp định thương mại tự do” thành “15 Hiệp định thương mại tự do” và bỏ phần liệt kê cụm từ “Cuba”: tiếp thu  - Về dự thảo Báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện: NHNN đã rà soát chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện |
| Báo cáo đánh giá tác động chính sách | | |  |  |
|  | Chính sách 1 | Về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại TCTD nhận chuyển giao  - Bộ Kế hoạch đầu tư cho rằng lựa chọn giải pháp 2 theo đề xuất của NHNN là phù hợp, cần thiết.  - Tuy nhiên, đề nghị NHNN làm rõ thêm căn cứ thực tiễn, tính khả thi và hiệu quả của đề xuất nâng tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc lên 49%, đảm bảo phù hợp với lộ trình mở của đối với lĩnh vực tiền tệ ngân hàng tại các cam kết quốc tế, Việt Nam là thành viên | Bộ Kế hoạch và đầu tư | + Điều 151e Luật Các TCTD quy định về quyền của bên nhận chuyển giao trong đó có quyền “Được bán, phát hành cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc cho nhà đầu tư nước ngoài theo **Phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt**”.  + Tại Phương án chuyển giao bắt buộc, có đề xuất nhiều giải pháp trong đó có giải pháp tăng sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài lên 49% vốn điều lệ của ngân hàng và tại phương án CGBB đã đánh giá và dự tính với giải pháp này sẽ hỗ trợ cho phương án chuyển giao bắt buộc ở mức độ nào.  Ngoài ra, tại các cam kết quốc tế, giữa Việt Nam và EU, giữa Việt Nam và UK có cam kết Việt Nam xem xét thuận lợi đề nghị vốn góp mua cổ phần của các TCTD Việt Nam từ liên minh Châu Âu, UK lên tới 49% vốn điều lệ của 02, 01 NHTMCP Việt Nam (Ngoại trừ ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước) |
|  | Chính sách 2 | Về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại NHTMCP  - Bộ Kế hoạch đầu tư cho rằng lựa chọn giải pháp 1 theo đề xuất của NHNN là phù hợp, cần thiết.  - Tuy nhiên, đề nghị NHNN nghiên cứu bổ sung kinh nghiệm quốc tế về tỷ lệ sở hữu, tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại NHTMCP và các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực NH. Trên cơ sở đó đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính khả thi hiệu quả | Bộ Kế hoạch và đầu tư | Tiếp thu:  NHNN đã bổ sung phụ lục kinh nghiệm quốc tế về mở cửa trong lĩnh vực ngân hàng |
|  |  |  |  |  |
| Về dự thảo Nghị định | | |  |  |
|  | Căn cứ | Đề nghị cân nhắc bổ sung căn cứ về thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên | Bộ Tư pháp | Không tiếp thu vì: khoản 1 Điều 61 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định: “1. Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành…” các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên không phải là văn bản quy phạm pháp luật |
|  | Khoản 1 Điều 1 dự thảo NĐ | Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý và sự thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật khác trong việc bỏ thuật ngữ “cổ phiếu quỹ” tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Thông tư | Bộ Tư pháp | Tiếp thu:  Điều 134 Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều 36 Luật Chứng khoán 2019 thì công ty đại chúng khi mua lại cổ phiếu phải thực hiện đăng ký giảm vốn điều lệ. Điều này có nghĩa là kể từ khi Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực thì công ty đại chứng không còn được mua cổ phiếu quỹ. Tuy nhiên khoản 4 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP điều khoản chuyển tiếp quy định: “Công ty đại chúng có cổ phiếu quỹ đã mua trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực được bán cổ phiếu quỹ, dùng cổ phiếu quỹ …”  Từ lý do nêu trên, hiện nay các TCTD còn cổ phiếu quỹ đã mua trước thời điểm Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực thi hành thì vẫn có quyền bán số cổ phiếu quỹ này cho nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, không bỏ cụm từ “cổ phiếu quỹ” tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 01 được sửa đổi, bổ sung như sau:  *“2. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần trong trường hợp tổ chức tín dụng chào bán cổ phần, phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ hoặc bán cổ phiếu quỹ”.* |
| Liên quan đến nội dung “bán cổ phiếu quỹ” tại khoản 2 Điều 6 và Khoản 2 Điều 11 Nghị định 01, cân nhắc bảo lưu quy định hiện hành để đảm bảo thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP | Bộ Tài chính |
|  | Khoản 2 Điều 1 dự thảo NĐ | Khoản 1 Điều 146 Luật các TCTD quy định Chính phủ có thẩm quyền quyết định chủ trương phương án chuyển giao bắt buộc, phê duyệt Phương án chuyển giao bắt buộc (không quy định về giới hạn cổ phần chuyển giao cho nhà đầu tư nước ngoài). Vì vậy, đề nghị làm rõ lý do và cơ sở pháp lý mức sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng khi chính phủ phê duyệt phương án chuyển giao tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định | Bộ Tư pháp | Tiếp thu giải trình như sau:  - Lý do và cơ sở pháp lý:  + Điều 151e Luật TCTD quy định về quyền của bên nhận chuyển giao trong đó có quyền “Được bán, phát hành cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc cho nhà đầu tư nước ngoài theo **Phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt**”.  + Khoản 1 Điều 146 Luật các TCTD quy định về thẩm quyền Chính phủ trong đó có “Phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc”.  + Tại phương án CGBB (tổ chức tín dụng nhận chuyển giao là HDB và VPB) đã đề xuất nhiều giải pháp trong đó có giải pháp nâng sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài lên 49% vốn điều lệ của ngân hàng và đã có đánh giá và dự tính với giải pháp này sẽ hỗ trợ cho phương án chuyển giao bắt buộc ở mức độ nào.  + Tại Hiệp định thương mại giữa Việt Nam và EU, giữa Việt Nam và UK Việt Nam có cam kết xem xét thuận lợi đề nghị vốn góp mua cổ phần của các TCTD Việt Nam từ liên minh Châu Âu, UK lên tới 49% vốn điều lệ của 02, 01 NHTMCP Việt Nam (Ngoại trừ ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước)  Ngoài ra, các TCTD nhận CGBB được điều chỉnh tỷ lệ tổng mức sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài nhưng điều kiện, trình tự, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD nhận CGBB phải tuân thủ như TCTD khác. Hơn nữa, các TCTD nhận chuyển giao có thể hoàn toàn chủ động khóa “room ngoại” thấp hơn mức được phép thực hiện. |
|  | Việc bổ sung quy định: “6a. Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc, Chính phủ quyết định tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc vượt giới hạn quy định tại khoản 5 Điều này khi phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc, nhưng không vượt quá 49% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc.” đảm bảo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 151e Luật các TCTD. Tuy nhiên, đề nghị NHNN xem xét, đánh giá kỹ lưỡng tác động của việc bổ sung quy định để đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các NHTM và xây dựng các kịch bản qua đó kiểm soát, hạn chế tối thiểu rủi ro, giữ ổn định ngân hàng | Bộ Công thương | Tiếp thu:  - Tại báo cáo đánh giá tác động có đánh giá về vấn đề này.  - Về môi trường cạnh tranh: TCTD nhận CGBB, phải nhận các TCTD yếu kém, ngăn chặn nguy cơ mất an toàn của hệ thống các TCTD. Do vậy, quy định này là một trong những giải pháp hỗ trợ cho TCTD nhận CGBB thực hiện thành công phương án chuyển giao, đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD cũng sẽ góp phần tạo môi trường hoạt động lành mạnh cho cả hệ thống các TCTD. Hơn nữa, quy định này cũng phù hợp với quy định tại Luật các TCTD, phù hợp với mục tiêu cơ cấu lại các TCTD. |
|  |  | Về việc đề xuất điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài vượt quá 30% nhưng không vượt quá 49% vốn điều lệ của TCTD nhận chuyển giao bắt buộc:  1. Đề nghị NHNN báo cáo khả năng các nhà đầu tư nước ngoài khác cũng yêu cầu được nâng tỷ lệ sở hữu tại các NHTMCP khác để có giải pháp xử lý tổng thể, tránh trường hợp vi phạm cam kết theo quy tắc đối xử tối huệ quốc  2. Đề nghị NHNN căn cứ quy định của pháp luật, chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền và ý kiến tham gia của các Bộ, ngành về việc chuyển giao bắt buộc các ngân hàng được kiểm soát đặc biệt trong thời gian qua; nghiên cứu, cân nhắc kỹ quan hệ chính trị và lợi ích kinh tế, đồng thời có biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh tiền tệ và chịu trách nhiệm hoàn toàn về đề xuất nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tối đa 49% vốn điều lệ của TCTD nhận chuyển giao bắt buộc để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật. | Bộ Tài chính | 1. Về việc nâng tổng mức sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại các TCTD nhận CGBB mà không nâng tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại các NHTMCP khác không vi phạm các cam kết quốc tế theo quy tắc đối xử tối huệ quốc, điều này đã được giải trình tại Báo cáo rà soát khuôn khổ pháp lý về xây dựng Nghị định  2. Tại báo cáo đánh giá tác động của Chính sách xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 01, NHNN đã đánh giá các tác động khi điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài vượt quá 30% nhưng không vượt quá 49% vốn điều lệ của TCTD nhận chuyển giao bắt buộc. Hơn nữa, các TCTD nhận chuyển giao bắt buộc được điều chỉnh tỷ lệ tổng mức sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài nhưng điều kiện, trình tự, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD nhận chuyển giao bắt buộc cũng phải tuân thủ như một tổ chức tín dụng khác.  Ngoài ra, cũng nhằm đảm bảo an ninh tiền tệ, tại báo cáo đánh giá tác động của việc điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần của các nhà đầu nước ngoài, NHNN đã đề xuất giải pháp chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại TCTD khác. |
|  |  | Đề nghị sửa đổi khoản 6 a như sau: Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc, Chính phủ quyết định tổng mức sở hữu cổ phần của các Nhà đầu tư nước ngoài tại TCTD nhận chuyển giao bắt buộc vượt giới hạn quy định tại Khoản 5 Điều này khi phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc nhưng không vượt quá 34,9% vốn điều lệ của Ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước chi phối và 49% đối với các Ngân hàng thương mại tư nhân.  Lý do: Với 1 tổ chức tín dụng (“TCTD”) sẽ thực hiện nhận chuyển giao bắt buộc có thể phát sinh một số vấn đề phức tạp trong hoạt động và cần sự thống nhất cao trong quá trình nhận chuyển giao, vận hành. Căn cứ theo Luật doanh nghiệp hiện tại, tỷ lệ sở hữu đạt 35% sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến việc biểu quyết một số quyết định quan trọng đến hoạt động doanh nghiệp tại Đại hội đồng cổ đông.  Trường hợp nhóm Nhà đầu tư nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh có thể sở hữu hơn 35% (nếu cho phép lên tới 49%) có thể tạo ra rủi ro gây cản trở các hoạt động, vận hành của TCTD nhận chuyển giao bắt buộc. Đặc biệt, đối với các Ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước chi phối, là trụ cột rất quan trọng của nền kinh tế, việc tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài vượt 35% có thể gây tác động tiêu cực đến quá trình xử lý tổ chức tín dụng yếu kém nói riêng, cũng như vận hành và điều phối hoạt động thị trường tài chính - tiền tệ nói chung của cả quốc gia. | VIB | Tiếp thu 1 phần, cụ thể, khoản 6a sửa đổi, bổ sung như sau:  “6a. Chính phủ quyết định tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc *(không bao gồm các ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ)* vượt giới hạn quy định tại khoản 5 Điều này khi phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc, nhưng không vượt quá 49% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc.” |
|  |  | Quy định tại Dự thảo hiện mới chỉ áp dụng đối với tổ chức tín dụng là bên nhận chuyển giao bắt buộc, chưa có quy định điều chỉnh đối với ngân hàng thương mại là bên được chuyển giao bắt buộc.  Do đó, để phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng (Điều 151g) và xây dựng hành lang pháp lý để phương án chuyển giao bắt buộc được triển khai hiệu quả. MB đề xuất Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung các nội dung sau:  - Đối với ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc, tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài sẽ thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc được phê duyệt.  - Trong thời gian triển khai phương án chuyển giao bắt buộc, chưa bắt buộc thực hiện theo các giới hạn quy định áp dụng đối với tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt. Sau thời gian triển khai phương án chuyển giao bắt buộc, ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc sẽ đáp ứng các quy định về giới hạn áp dụng đối với tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt, phù hợp với Điều 151g Luật các Tổ chức tín dụng.  Mục đích: Tạo điều kiện cho các tổ chức được chuyển giao bắt buộc có các phương án huy động vốn phục vụ tiến trình tái cơ cấu hiệu quả.  Ngân hàng nhà nước có thẩm quyền phê duyệt việc chuyển nhượng vốn góp cho, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và phù hợp với phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt | MBB, Hiệp Hội Ngân hàng | Không tiếp thu:  vì khoản 6 Điều 7 Nghị định đã có quy định có áp dụng đối với TCTD yếu kém, gặp khó khăn trong đó có TCTD được chuyển giao bắt buộc. |
|  |  | Việc bổ sung nội dung khoản 6a Điều 7 phù hợp với Luật các TCTD | VCB |  |
|  |  | Không cần thiết phải bổ sung nội dung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 7 trong Nghị định 01/2014/NĐ-CP vì:  - Khoản 2 điều 151e Quyền của bên nhận chuyển giao: “2. Bên nhận chuyển giao không phải là tổ chức tín dụng có quyền sở hữu cổ phần, phần vốn góp của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc vượt tỷ lệ giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 55 và Điều 70 của Luật này.”  - Khoản 2 điều 16 - Mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài  “2. Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.”  Theo các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, bên nhận chuyển giao theo phương án chuyển giao bắt buộc là nhà đầu tư nước ngoài được vượt giới hạn tỷ lệ sở hữu mà Chính phủ quy định và việc xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định được thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt (theo quy định tại Điều 151g – Luật Các tổ chức tín dụng).  Ngoài ra, thẩm quyền phê duyệt của phương án chuyển giao bắt buộc cũng do Chính phủ quyết định (điểm b khoản 1 điều 146 - Luật Các tổ chức tín dụng). | Oceanbank | Không tiếp thu vì:  Khoản 6a quy định tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức tín dụng nhận chuyển giao, không phải quy định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức tín dụng được chuyển giao. |
|  |  | Khoản 6 Điều 3 Nghị định 01: xem xét làm rõ hơn về tiêu chí “gắn bó lợi ích lâu dài với TCTD Việt Nam” của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài để đảm bảo thống nhất với quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định 01 | Bộ Tài chính | Tiếp thu:  Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều như sau  “6. Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là tổ chức nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc gắn bó lợi ích lâu dài với tổ chức tín dụng Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định này và hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam chuyển giao công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực tài chính, quản trị, điều hành” |
|  | Điều 3 Nghị định 01 | - Quy định về nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và điều kiện đối với tổ chức nước ngoài mua cổ phần và trở thành cổ đông chiến lược tại khoản 6 Điều 3 và Khoản 5 Điều 10 Nghị định 01 chưa thống nhất với Luật chứng khoán. Đề nghị sửa đổi thống nhất với Luật Chứng khoán.  - Sửa đổi bổ sung khoản 6 Điều 3 **Giải thích từ ngữ**  Về nhà đầu tư chiến lược nước ngoài như sau: “ *Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.” Cho* để thống nhất với điều 4.17 Luật Chứng khoán 2019: | Hiệp Hội ngân hàng.  VIB | Không tiếp thu vì:  - Việc Nhà đầu tư chiến lược cam kết hỗ trợ về chuyển giao công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị điều hành là rất quan trọng đối với TCTD nhưng khái niệm này trong Luật chứng khoán không đề cập đến.  - Lĩnh vực ngân hàng nhạy cảm, hoạt động kinh doanh có điều kiện, việc nhà đầu tư chiến lược cam kết và hỗ trợ của TCTD cần thiết quy định thời gian dài hơn (tối thiểu là 5 năm thay vì 3 năm) để có thời gian cổ đông chiến lược tạo điều kiện chuyển giao công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ, nâng cao năng lực quản trị điều hành tốt hơn. |
|  | Khoản 3, 4, 5 Điều 3 Nghị định 01 | Đối với các hình thức tổ chức là công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng và các tổ chức kinh tế khác có vốn đầu tư nước ngoài, đề nghị xem xét sửa tỷ lệ 49% thành 50% cho phù hợp với Luật đầu tư và pháp luật về chứng khoán | Bộ Tài chính | Tiếp thu:  - Nghị định 01 quy định theo hướng Tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư, điều kiện, thủ tục thực hiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của TCTD tương tư như tổ chức thành lập ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.  Do vậy, Nghị định 01 dự kiến sửa đổi, bổ sung như sau:  1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:  “4. Tổ chức nước ngoài bao gồm:  a) Tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài có thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.  b) Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây:  (i) Có các tổ chức nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản này và các cá nhân nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;  (ii) Có các tổ chức kinh tế quy định tại tiết i điểm b khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;  (iii) Có các tổ chức nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản này, các cá nhân nước ngoài và các tổ chức kinh tế quy định tại tiết i điểm b khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.” |
| 1. Đề nghị rà soát, sửa đổi khái niệm “nhà đầu tư nước ngoài” thống nhất với quy định Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Luật Đầu tư.  - Khoản 32 Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán: “Nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cá nhân, tổ chức theo quy định tại Luật Đầu tư”.  - Khoản 19 Điều 3 Luật Đầu tư quy định: “*Nhà đầu tư nước ngoài* là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam”.  Hiện nay, hầu hết các tổ chức tín dụng cổ phần đều đã thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán/đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom nên cần quy định thống nhất khái niệm “nhà đầu tư nước ngoài” trong quy định nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam và quy định của Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư.  Đề nghị rà soát, sửa đổi quy định điều kiện và thủ tục thực hiện của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo Điều 23 Luật Đầu tư  Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư quy định:  “Điều 23. Thực hiện hoạt động đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài  1. Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC nếu tổ chức kinh tế đó thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;  b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;  c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ”.  Như vậy Nghị định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam phải quy định điều kiện và thủ tục thực hiện của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. | NHTMCP Bắc Á, TCB;  Hiệp Hội Ngân hàng |
|  | Khoản 2 Điều 6 Nghị định 01 | Sửa đổi điều 6.2 “nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần trong trường hợp TCTD cổ phần bán cổ phần để tăng vốn điều lệ và/hoặc bán cổ phiếu quỹ” vì: khoản 4 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP vẫn cho phép công ty đại chúng bán cổ phiếu quỹ mua trước thời điểm Luật Chứng khoán có hiệu lực. | VPB, Bắc Á bank, Hiệp hội Ngân hàng | Tiếp thu và sửa đổi khoản 2 như sau:  “2. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần trong trường hợp tổ chức tín dụng chào bán cổ phần, phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ hoặc bán cổ phiếu quỹ”. |
|  | Bổ sung cụm từ “phát hành cổ phần” phù hợp với các nội dung về chuyển giao bắt buộc tại Luật các TCTD | VCB |
|  | Khoản 3 Điều 6 Nghị định 01 | Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “*Nhà đầu tư nước ngoài góp thêm vốn, nhận chuyển nhượng vốn góp tại tổ chức tín dụng để tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thành tổ chức tín dụng cổ phần”. Lý do:*  - Khoản 3 Điều 6 Nghị định 01/2014/NĐ-CP quy định: *“3. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần trong trường hợp tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thành tổ chức tín dụng cổ phần”.*  - Khoản 2 Điều 3 Nghị 01/2014/NĐ-CP quy định: “*Tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thành tổ chức tín dụng cổ phần là tổ chức tín dụng đang thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý từ tổ chức tín dụng hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn thành tổ chức tín dụng hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.”*  Quy định “mua cổ phần” có thể dẫn đến cách hiểu là nhà đầu tư nước ngoài chỉ được mua cổ phần sau khi tổ chức tín dụng hoàn thành chuyển đổi hình thức pháp lý thành công ty cổ phần. Trong khi đó, việc mua/nhận chuyển nhượng cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức tín dụng cổ phần đã được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định 01/2014/NĐ-CP. | MBB | Không tiếp thu vì:  Nghị định 01 quy định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD Việt Nam.  Việc góp thêm vốn, nhận chuyển nhượng vốn góp của TCTD không phải là TCTD cổ phần không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 01.  Trường hợp chuyển đổi hình thực pháp lý quy định tại khoản 3 Điều 6 là việc TCTD bán, phát hành cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa. |
|  | Khoản 5 Điều 7 Nghị định 01 | Về “tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một NHTM Việt Nam” không phù hợp với thực tế nhu cầu sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài tại NHTM và định hướng của Thủ tướng Chính phủ.  Đề xuất sửa đổi theo hướng:  - Các NHTM được xếp hạng cao (NHTM hoàn thành Basell II đang tiếp tục nâng cao Basell III: tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại một NHTM không vượt quá 40% vốn điều lệ của ngân hàng. Các NHTM chưa hoàn thành Basell II tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại một NHTM không vượt quá 30% vốn điều lệ của NHTM | TPB | Không tiếp thu vì:  Việc tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài nhằm mục tiêu tăng cường năng lực tài chính, năng lực quản trị điều hành, năng lực công nghệ… cho TCTD. Do vậy, nên có cơ chế để khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các TCTD yếu kém và các TCTD có đóng góp hỗ trợ tốt cho hệ thống các TCTD Việt Nam (như TCTD nhận chuyển giao bắt buộc) để khuyến khích và tạo điều kiện cho các NHTM thực hiện thành công phương án chuyển giao bắt buộc. |
|  | Khoản 5 Điều 7 Nghị định 01 | Mức quy định về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (FOL) không vượt quá 30% vốn điều lệ hiện nay thấp hơn mức cho phép (50% vốn điều lệ) áp dụng đối với công ty đại chúng thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện nhưng không quy định cụ thể điều kiện FOL (theo quy định tại Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP).  FOL hiện nay được coi là một trong những rào cản lớn nhất đối với quá trình nâng hạng thị trường Việt Nam lên thị trường mới nổi chậm nhất vào năm 2025 theo kế hoạch Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 242/QĐ-TTg phê duyệt đề án “cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm năm 2020 và định hướng đến năm 2025:. FOL 30% áp dụng chung cho TCTD hạn chế các cơ hội đầu tư của NĐTNN tại thị trường chứng khoán VN. Ngoài ra, một số NHTMNN cổ phần hóa, tỷ lệ sở hữu của nhà nước trong các NHTM lớn vốn đã rất lớn, dẫn đến tỷ lệ cổ phần tự do chuyển nhượng thực của các mã cổ phiếu thuộc lĩnh vực ngân hàng trên trên thị trường trở nên nhỏ tương đối, ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng này cũng như FOL thực cho nhà đầu tư nước ngoài.  Nhằm hỗ trợ quá trình nâng hạng thị trường việt nam lên thị trường mới nổi, đồng thời tạo cơ hội cho nhà ĐTNN, đề nghị xem xét, cân nhắc nới rộng mức FOL quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định | HSBC | Không tiếp thu:  Về vấn đề này đã được giải trình tại báo cáo đánh giá tác động của Chính sách và Báo cáo rà soát khuôn khổ pháp lý về xây dựng Nghị định, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 01. |
|  | Khoản 6 Điều 7 Nghị định 01 | Tại Khoản 6 Điều 7, Nghị định 01/2014, Thủ tướng Chính phủ sẽ quyết định tỷ lệ sở hữu nếu vượt quá 30%. Tại dự thảo Nghị định sửa đổi mới, Chính phủ sẽ quyết định nếu mức sở hữu vượt tỷ lệ quy định. Do đó, vui lòng làm rõ quy trình thủ tục phát sinh tại thay đổi này. | VIB | Khoản 6 Điều 7 đối với TCTD quy định về trường hợp đặc biệt khi thực hiện cơ cấu lại TCTD yếu kém, gặp khó khăn, đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD, Thủ tướng Chính phủ quyết định và Thông tư 38/2014/TT-NHN đã có hướng dẫn nội dung này. Đối với TCTD nhận CGBB, Chính phủ sẽ quyết định khi phê duyệt phương án CGBB. |
|  | Điều 7 Nghị định 01 | Cách xác định Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo Điều 7 Nghị định 01 khác với cách xác định Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo Khoản 38 Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Đề xuất sửa đổi quy định nói trên để thống nhất với Nghị định 155/2020/NĐ-CP tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các NHTM niêm yết khi thực hiện các quy định liên quan đến Nhà đầu tư nước ngoài/ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP | Techcombank | Tiếp thu:  Đã sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 3 Nghị định như đã giải trình nêu trên nên cách tính tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại Điều 7 sẽ thống nhất với NĐ 155 |
|  | Điều 8 Nghị định 01 | Sửa đổi điều 8.1 để quy định thống nhất về thủ tục áp dụng đối với trường hợp mua cổ phần dẫn đến sở hữu từ 5% vốn điều lệ của TCTD trở lên với quy định tại Luật các TCTD. Theo điều 29.2 Luật TCTD nếu mua cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn thì TCTD phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản. Trong khi đó điều 8.1 lại quy định nếu mua cổ phần dẫn đến sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên thì quy định 2 trường hợp là TCTD đã niêm yết (tổ chức nước ngoài lập hồ sơ) và TCTD chưa niêm yết (TCTD lập hồ sơ).  Bổ sung nội dung sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định 01/2014/NĐ-CP như sau:  “*1. Các trường hợp phải xin chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước khi nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần tại tổ chức tín dụng Việt Nam:*  *a. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng.*  *b. Nhà đầu tư nước ngoài mua thêm cổ phần khi đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng trở lên, dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng.*  *c. Nhà đầu tư nước ngoài trở thành nhà đầu tư chiến lược của tổ chức tín dụng (mua hoặc giữ nguyên tỷ lệ sở hữu hiện có).*  *2. Trình tự, thủ tục xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 8 này:*  *a. Nhà đầu tư nước ngoài (khi mua cổ phần theo hình thức quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này) hoặc Tổ chức tín dụng Việt Nam (khi nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần theo hình thức quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 6 Nghị định này) lập hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.*  *b. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc mua cổ phần của tổ chức nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải nêu rõ lý do”.*  - Lý do về việc đề xuất điểm c Khoản 1 Điều 8: Hiện tại Nghị định 01/2014/NĐ-CP chưa có cơ chế để chuyển đổi từ nhà đầu tư đã sở hữu cổ phần ở mức từ 10% vốn điều lệ trở lên thành nhà đầu tư chiến lược sau khi nhà đầu tư đã mua cổ phần tại tổ chức tín dụng. Trong khi đó thực tế có thể phát sinh trường hợp sau khi tham gia vốn cổ phần (Ví dụ: 15% vốn điều lệ), nhà đầu tư nước ngoài có thêm quan tâm, cam kết gắn bó với tổ chức tín dụng và mong muốn trở thành nhà đầu tư chiến lược mặc dù không có nhu cầu tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần.  Do đó VPBank kiến nghị bổ sung quy định, cơ chế cho phép nhà đầu tư thông thường đã sở hữu từ 10% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng có thể trở thành nhà đầu tư chiến lược.   * Lý do về việc đề xuất điểm a, b Khoản 2 Điều 8:   Khoản 2 điều 8 Nghị định 01/2014/NĐ-CP hiện hành quy định: *“Trường hợp mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên và mua thêm cổ phần khi tổ chức nước ngoài đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 2 Điều 29 Luật các tổ chức tín dụng*”. Khoản 2 Điều 29 Luật các tổ chức tín dụng quy định hồ sơ, trình tự xin phê duyệt của Ngân hàng nhà nước trước khi thực hiện, do đó quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định 01/2014/NĐ-CP sẽ dẫn đến cách hiểu khi Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên hoặc mua thêm cổ phần khi đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên đều phải xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên, đối với trường hợp mua thêm cổ phần khi tổ chức nước ngoài đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên: quy định này có một số điểm chưa hợp lý, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, cụ thể như sau:   * Đối với việc nhà đầu tư nước ngoài mua bán, chuyển nhượng cổ phần giữa các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán: hoạt động này được diễn ra thường xuyên, liên tục và có thể biến động theo tình hình thị trường. Do đó, với các thay đổi ở mức từ 5% đến dưới 10% vốn điều lệ mà phải xin chấp thuận của Ngân hàng nhà nước trước khi thực hiện sẽ làm hạn chế cơ hội đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, phát sinh thêm vận hành cho nhà đầu tư và tổ chức tín dụng. * Đối với việc nhà đầu tư mua thêm cổ phần từ các tổ chức tín dụng chào bán, phát hành cổ phần để tăng thêm mức sở hữu khi đã sở hữu 5% vốn điều lệ: Trong các trường hợp này, theo quy định thì tổ chức tín dụng sẽ thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ và tổ chức tín dụng đã phải thực hiện việc xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước trước khi thực hiện. Do đó, việc tiếp tục yêu cầu Nhà đầu tư phải xin thêm chấp thuận của ngân hàng nhà nước trong trường hợp này sẽ phát sinh thêm thủ tục cho các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư nước ngoài. * Việc dẫn chiếu đến Khoản 2 Điều 29 Luật các tổ chức tín dụng gây khó khăn cho các nhà đầu tư và các ngân hàng thương mại trong quá trình thực hiện vì: * Khoản 2 Điều 29 Luật các Tổ chức tín dụng cũng chỉ quy định trình thự, thủ tục chấp thuận các thay đổi nêu tại Khoản 1 Điều 29 thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, không quy định cụ thể thủ tục. * Trong khi đó, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua thêm cổ phần dẫn đến mức sở hữu cổ phần từ 5% vốn điều lệ hoặc mua thêm khi đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng hiện đang thực hiện theo thủ tục tại Thông tư 38/2014/TT-NHNN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam. Tại Thông tư 38/2014/TT-NHNN cũng quy định rõ đây là văn bản hướng dẫn các trường hợp mua cổ phần của tổ chức tín dụng theo quy định tại Nghị định 01/2014/NĐ-CP. * Ngoài ra, Khoản 2 Điều 16 Luật các tổ chức tín dụng đã quy định “*Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài”,* do đó Nghị định của Chính phủ nên quy định về thủ tục để việc thực hiện được thuận tiện, thay vì dẫn chiếu đến các điều khoản của Luật các tổ chức tín dụng. | Hiệp Hội Ngân hàng,  VIB  VPB | Không tiếp thu:  Thứ nhất:  - Việc nhà đầu tư mua cổ phần trở thành cổ đông lớn (bao gồm cả nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước) thì phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản (điểm đ khoản 1 Điều 29) và Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận thay đổi được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29.  - Đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược: trường hợp này chính sức khỏe của nhà đầu tư (uy tín; năng lực tài chính, quản trị, điều hành…) có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động và phát triển của TCTD, thậm chí còn ảnh hưởng đến an toàn của hệ thống TCTD. Do vậy, ngoài việc quy định trình tự, thủ tục chấp thuận như đối với cổ đông lớn thông thường còn phải quy định rõ điều kiện để nhà đầu tư được sở hữu cổ phần tổ chức tín dụng Việt Nam trong trường hợp này (Điều 9, Điều 10 Nghị định 01).  Thứ 2:  Tại điểm a khoản 1 Điều 8, Tổ chức tín dụng lập hồ sơ (đối với tổ chức tín dụng chưa niêm yết) hoặc tổ chức nước ngoài (đối với tổ chức tín dụng đã niêm yết), lý do:  - Đối với TCTD chưa niêm yết thì chỉ có TCTD có danh sách nhà đầu tư (cổ đông của TCTD) bao gồm cả nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, chỉ có TCTD mới xác định được tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng nhà đầu tư nước ngoài và tỷ lệ sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại TCTD, xác định được nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần có nằm trong giới hạn quy định hay không.  - Đối với TCTD đã niêm yết, thì tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và của các nhà đầu tư nước ngoài được quản lý, giám sát theo theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định liên quan. Nhà đầu tư nước ngoài không thể mua cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu theo quy định của pháp luật.  Thứ 3:  Không bỏ nội dung đối với trường hợp phải chấp thuận của NHNN “*mua thêm cổ phần khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của của tổ chức tín dụng”* tại khoản 2 Điều 8 vì:  Tại điều 29 Luật Các TCTD quy định những thay đổi phải được NHNN chấp thuận, trong đó có nội dung “Chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại” (điểm đ khoản 1 Điều 29).  Nội dung của Nghị định phải phù hợp với Luật Các TCTD.  Tuy nhiên, hiện nay NHNN đang nghiên cứu xây dựng Luật Các TCTD sửa đổi trong đó có vấn đề này. |
|  |
|  | Điều 9 Nghị định 01 | Khoản 4 Điều 9 quy định về điều kiện đối với tổ chức nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ của TCTD Việt Nam trở lên “4. Không vi phạm nghiêm trọng pháp luật về tiền tệ, ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán của nước nơi nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính và Việt Nam trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ mua cổ phần”. Lý do:  Quy định không vi phạm nghiêm trọng rất khó lượng hóa khi thẩm định điều kiện sở hữu cổ phần đối với tổ chức nước ngoài. Do đó, đề nghị xem xét sửa đổi thành “4. Không vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính bằng tiền theo quy định pháp luật về tiền tệ, ngân hàng, chứng khoán…” | Hiệp hội ngân hàng | Không tiếp thu vì:  Có những vi phạm bị xử phạt hành chính bằng tiền nhưng không nghiêm trọng, vi phạm này không đến mức cần phải hạn chế tất cả các tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính bị phạt tiền không được mua cổ phần dẫn đến sở hữu trên 10% vốn điều lệ của ngân hàng. |
|  | Khoản 1 Điều 11 Nghị định 01 | Khoản 1 Điều 11 Nghị định 01/2014/NĐ-CP như sau: *“Tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thành tổ chức tín dụng cổ phần phải có phương án cổ phần hóa, phương án chuyển đổi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, trong đó có phương án chuyển nhượng phần vốn góp cho nhà đầu tư nước ngoài hoặc phương án góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài”* để có cơ sở xử lý trường hợp nêu trên.  Khoản 1 Điều 11 Nghị định 01/2014/NĐ-CP quy định: *“Tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thành tổ chức tín dụng cổ phần phải có phương án cổ phần hóa, phương án chuyển đổi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, trong đó có phương án bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài”.*  Yêu cầu phải có *“phương án bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài”* này chỉ đúng trong trường hợp việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện sau khi tổ chức tín dụng hoàn thành chuyển đổi hình thức pháp lý thành công ty cổ phần. Do đó, đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn thì cần có phương án chuyển nhượng vốn góp cho nhà đầu tư nước ngoài hoặc phương án nhà đầu tư nước ngoài góp thêm vốn.  Bên cạnh đó, đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc, theo Khoản 7 Điều 151b Luật các tổ chức tín dụng thì nội dung phương án chuyển giao bắt buộc gồm có phương án tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc xử lý số vốn góp, cổ phần tại ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc. Do đó, để có cơ sở cho trường hợp xử lý phần vốn góp tại ngân hàng được chuyển giao bắt buộc trong trường hợp bên nhận chuyển giao sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo Điểm a Khoản 1 Điều 151e Luật các tổ chức tín dụng thì cần thiết phải sửa đổi quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định 01/2014/NĐ-CP. | MBB, hiệp hội ngân hàng | *Không tiếp thu*  Đã giải thích tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 01. |
|  | Khoản 2 Điều 11 Nghị định 01 | Khoản 2 Điều 11 đề nghị bổ sung từ bôi đậm “2. Tổ chức tín dụng cổ phần có phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó có phương án bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài. Đối với tổ chức tín dụng **cổ phần** có tỷ lệ sở hữu của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ, phương án tăng vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính của doanh nghiệp nhà nước trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thông qua” | VCB | Tiếp thu |
|  | Khoản 5 Điều 14 Nghị định 01 | * ***Đề xuất 2****:* Bổ sung nội dung sửa đổi Khoản 5 Điều 14 Nghị định 01/2014/NĐ-CP thành như sau*: “Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được chuyển nhượng cổ phần thuộc sở hữu của mình tại tổ chức tín dụng Việt Nam cho tổ chức, cá nhân khác* ***trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ thời điểm trở thành nhà đầu tư chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam.”*** * ***Lý do đề xuất 2:*** Theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định 01/2014/NĐ-CP hiện tại thì thời gian hạn chế chuyển nhượng 5 năm đối với nhà đầu tư chiến lược nước ngoài được tính “***kể từ thời điểm trở thành nhà đầu tư chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam ghi trong văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”*** Tuy nhiên thời điểm trở thành cổ đông/nhà đầu tư chiến lược và thời điểm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản chấp thuận là khác nhau. Thực tế, quá trình mua cổ phần sẽ diễn ra theo trình tự: sau khi văn bản chấp thuận của ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài mới tiến hành mua cổ phần, trên cơ sở đó trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài. Do đó khi mới có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì cũng chưa thể xác định chắc chắn khi nào bên mua trở thành cổ đông/nhà đầu tư chiến lược. | Hiệp hội ngân hàng  VPB | Không tiếp thu:  Lý do:  - Căn cứ hồ sơ đề nghị của NHTM, NHNN có thể xem xét xác định khi nào thì nhà đầu tư nước ngoài trở thành cổ đông chiến lược và quy định cụ thể trong văn bản chấp thuận, ví dụ:  + Đối với Hồ sơ NHTM cổ phần đề nghị chấp thuận nhà đầu tư chiến lược khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu từ 10% cổ phần của ngân hàng trở lên thì căn cứ tình hình cụ thể và Hồ sơ đề nghị văn bản chấp thuận có thể xác định thời điểm nhà đầu tư nước ngoài trở thành nhà đầu tư chiến lược khi 2 bên ký kết thỏa thuận trở thành nhà đầu tư chiến lược hoặc khi nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ…;  + Trường hợp chưa là cổ đông lớn thì thời điểm xác định trở thành nhà đầu tư chiến lược là sau khi ký kết trở thành cổ đông chiến lược và đã trở thành cổ đông lớn…  - Trường hợp bỏ cụm từ “ghi tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước Việt Nam” thì Nghị định phải có hướng dẫn quy định điều kiện cụ thể khi nào thì nhà đầu tư nước ngoài trở thành cổ đông chiến lược. |